TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆNCHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bảnán số:**131**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Nguyễn Đức Duy**

2.Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Bà **Trần Ngọc Hà**-Kiểm sát viên*

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/03/2021 *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02 /2022,Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Ánh H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: 44 ấp AH, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2.Bị đơn: **Phan Hồng S** sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp VQ, xã VK, CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, anh S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Ánh H trình bày:

Chị H và anh S chung sống vợ chồng vào năm 2016,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do anh S hay uống rượu, không lo gia đình dẫn tới bất đồng quan điểm sống, hiện đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị H xin Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.Về con chung có 01

con chung Phan Trần Hoàng L sinh ngày 13/01/2016, hiện sống với Chị H, khi ly hôn Chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Hồng S vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, không có bản tự khai cũng như ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của Chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh S kết hôn vào năm 2016,có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 19/02/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân theo Chị H trình bày là do anh S hay uống rượu, không lo gia đình dẫn tới vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên Chị H làm đơn xin ly hôn với anh S. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh S là hôn nhân hợp pháp. Nay, Chị H xin ly hôn với anh S nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị H:

Chị H có đơn xin vắng mặt tại trong quá trình giải quyết và có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S lý do giữa Chị H và anh S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm hiện đã ly thân từ năm 2019 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị H và anh S đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh S trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn chứng tỏ anh S không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị H, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với Chị H. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị H và anh S là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: 01 con chung tên là Phan Trần Hoàng L sinh ngày 13/01/2016, hiện sống với Chị H, khi ly hôn Chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.Xét thấy từ khi ly thân cho đến nay cháu L sống với Chị H được Chị H chăm sóc tốt, do đó cần giao cháu L cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện cho cháu L phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của cháu L. Chị H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, theo biên bản xác minh của Tòa án tại ấp Vĩnh Quí xã Vĩnh Kim thì anh S có nghề nghiệp làm thợ hồ, do đó có điều kiện cấp dưỡng nuôi con đồng thời để tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu L giúp cho

cháu có điều kiện phát triển đầy đủ về vật chất và tinh thần nên cần buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi như yêu cầu của Chị H là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung:

Chị Hồng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Chị H trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí:

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 53,56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H về việc xin ly hôn với anh S, về con chung đề nghị giao con chung cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng,về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Ánh H: cho chị Trần Thị Ánh H được ly hôn với anh Phan Hồng S

- Về con chung:

Giao cháu Phan Trần Hoàng L sinh ngày 13/01/2016 cho chị Trần Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Phan Hồng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/tháng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Chị Trần Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004024 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị H đã nộp xong án phí. Anh Phan Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H,anh Sơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Tân An Hội, Mang Thít, Vĩnh Long
- Đương sự
-Lưu hồ sơ, án văn.